

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGĐCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGĐCK TPHCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 190 /PA-CBTT

TP.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng  
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH KPMG. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2021 tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2020 đã kiểm toán

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ VĂN NĂM



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

(từ ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Phạm Thanh Tùng

Chủ tịch

(đến ngày 27 tháng 6 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Shinichiro Ota

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Kiều Ly

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 2 năm 2020)

Ông Đào Ngọc Minh Tiến

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

*[Signature]*  
Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2020.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00366/2\*2-21-1



Chang Hung Chün  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2021

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.728.172.294.801</b>	<b>1.771.470.476.714</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>149.345.138.970</b>	<b>186.481.253.593</b>
Tiền	111		149.345.138.970	141.247.146.439
Các khoản tương đương tiền	112		-	45.234.107.154
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>673.414.528.953</b>	<b>656.729.740.504</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	673.414.528.953	656.729.740.504
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>165.494.131.114</b>	<b>142.888.444.563</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.162.858.180	83.230.245.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	59.094.539.985	27.391.535.423
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.617.391.415	32.806.005.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.436.551.094)	(559.800.418)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		55.892.628	20.458.019
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>690.614.750.197</b>	<b>737.093.716.679</b>
Hàng tồn kho	141		693.487.597.550	752.684.964.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.872.847.353)	(15.591.247.497)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.303.745.567</b>	<b>48.277.321.375</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.815.924.928	2.828.088.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	42.487.820.639	45.449.233.302

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>672.057.395.120</b>	<b>711.273.921.029</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.199.200.000</b>	<b>6.658.733.987</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	5.552.843.775
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	1.657.935.376
Phải thu dài hạn khác	216		3.199.200.000	2.771.200.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(3.323.245.164)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>544.845.481.717</b>	<b>571.256.987.857</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	324.003.084.661	348.891.560.781
Nguyên giá	222		1.081.563.315.394	1.035.299.631.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(757.560.230.733)	(686.408.071.117)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	5.069.570.731	-
Nguyên giá	225		5.245.962.075	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(176.391.344)	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	215.772.826.325	222.365.427.076
Nguyên giá	228		263.190.870.706	262.770.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.418.044.381)	(40.405.443.630)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.255.912.553</b>	<b>45.524.928.011</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.255.912.553	45.524.928.011
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.256.800.850</b>	<b>55.333.271.174</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	17.029.953.711	22.250.366.085
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.750.859.690	6.030.112.396
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	30.475.987.449	27.052.792.693
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.400.229.689.921</b>	<b>2.482.744.397.743</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.669.933.120.336</b>	<b>1.814.305.526.581</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.601.462.784.134</b>	<b>1.735.679.601.937</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	136.175.222.516	219.520.294.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83.577.304.793	24.933.996.672
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	19(a)	5.734.481.491	13.563.461.160
Phải trả người lao động	314		93.753.078.426	77.937.248.842
Chi phí phải trả	315	20	32.471.409.855	24.441.158.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.099.417.925	5.455.641.776
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.226.100.136.505	1.355.990.123.377
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.165.026.008	9.090.947.990
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	6.386.706.615	4.746.728.397
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68.470.336.202</b>	<b>78.625.924.644</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	6.531.292.532
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	169.632.112
Phải trả dài hạn khác	337		420.000.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	68.050.336.202	71.505.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>730.296.569.585</b>	<b>668.438.871.162</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>730.296.569.585</b>	<b>668.438.871.162</b>
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		161.626.946.846	83.280.322.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.367.853.515	118.856.779.913
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		256.806.949	21.869.393.986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		102.111.046.566	96.987.385.927
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.400.229.689.921</b>	<b>2.482.744.397.743</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	3.449.081.662.295	3.541.175.254.529
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	495.063.514.894	462.188.459.375
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>2.954.018.147.401</b>	<b>3.078.986.795.154</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	2.506.020.952.550	2.617.216.890.022
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>447.997.194.851</b>	<b>461.769.905.132</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	55.413.913.065	55.435.810.762
Chi phí tài chính	22	32	68.971.091.758	63.524.083.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.775.575.264	58.854.664.231
Chi phí bán hàng	25	33	195.909.646.390	195.200.412.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	49.707.851.117	52.335.316.115
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>188.822.518.651</b>	<b>206.145.904.217</b>
Thu nhập khác	31		763.497.610	10.572.027.420
Chi phí khác	32		78.754.126	4.736.829.287
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>684.743.484</b>	<b>5.835.198.133</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>189.507.262.135</b>	<b>211.981.102.350</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	38.645.255.863	46.067.273.543
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	2.279.252.706	(781.117.620)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>148.582.753.566</b>	<b>166.694.946.427</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.878	3.228

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>189.507.262.135</b>	<b>211.981.102.350</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		81.200.199.597	86.202.705.545
Các khoản dự phòng	03		3.047.332.637	9.494.878.602
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		81.864.156	97.072.692
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(50.064.373.946)	(47.078.053.345)
Chi phí lãi vay	06		60.775.575.264	58.854.664.231
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>284.547.859.843</b>	<b>319.552.370.075</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(17.515.971.595)	(23.725.244.070)
Biến động hàng tồn kho	10		55.774.171.870	(78.081.310.429)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.308.249.100	97.209.449.679
Biến động chi phí trả trước	12		1.232.575.519	(7.221.689.870)
			<b>344.346.884.737</b>	<b>307.733.575.385</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.938.572.077)	(63.700.876.093)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.144.428.632)	(39.620.887.199)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.377.516.425)	(14.302.458.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>224.886.367.603</b>	<b>190.109.353.374</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(96.061.679.902)	(164.626.196.216)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		53.100.000	858.506.818
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(457.524.107.154)	(200.265.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		464.620.608.504	218.237.648.820
Tiền thu lãi tiền gửi	27		29.852.540.552	12.711.878.991
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(59.059.538.000)</b>	<b>(133.083.161.587)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.747.755.522.966	2.957.687.767.898
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.880.312.435.752)	(2.841.754.482.424)
Tiền trả cổ tức	36		(69.706.145.475)	(92.943.414.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(202.263.058.261)</b>	<b>22.989.871.474</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(36.436.228.658)</b>	<b>80.016.063.261</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>186.481.253.593</b>	<b>106.946.601.326</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(699.885.965)</b>	<b>(481.410.994)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>149.345.138.970</b>	<b>186.481.253.593</b>

**Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	2020 VND	2019 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	33.422.409.337	79.964.411.240
Thu nhập từ tiền lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	23.781.289.799	42.203.035.445

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

#### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ác quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1.201 nhân viên (1/1/2020: 1.179 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các chính sách kế toán dùng lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

001-G  
ẢNH  
TINH  
G  
CHÍNH

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phân chính sách kế toán 3(f).

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(k) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong năm kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quy định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(q) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(x) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.283.975.684	1.347.698.234
Tiền gửi ngân hàng	148.061.163.286	139.899.448.205
Các khoản tương đương tiền	-	45.234.107.154
	149.345.138.970	186.481.253.593

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,70% đến 8,50% (2019: 5,00% đến 8,50%).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Chea Se	11.927.648.312	16.318.777.115
Công ty TNHH Ác quy Vĩnh Phúc	8.081.312.800	6.347.673.200
Faith Chemical Enterprises	6.796.258.149	4.170.190.698
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải	6.278.633.840	7.966.263.800
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	5.134.900.815	6.410.457.164
Các khách hàng khác	24.944.104.264	42.016.883.987
	63.162.858.180	83.230.245.964





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kae Lii Machine Mfg Co Ltd	13.422.943.528	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	10.058.050.076	-
Lagardere Sports Asia PTE. Ltd	7.800.810.000	-
Sorin Corporation	50.836.489	9.607.739.646
Wirtz Manufacturing Co	-	3.215.620.947
Các nhà cung cấp khác	27.761.899.892	14.568.174.830
	59.094.539.985	27.391.535.423

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu lãi tiền gửi	26.934.728.520	30.557.284.925
Tạm ứng cho nhân viên	2.654.283.210	1.983.167.467
Phải thu khác	15.028.379.685	265.553.183
	44.617.391.415	32.806.005.575

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.404.568.597	721.370.579	1.683.198.018
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 2 năm	755.561.180	334.562.822	420.998.358
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	506.339.520	380.617.693	125.721.827
		3.666.469.297	1.436.551.094	2.229.918.203



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2020	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.039.283.520	311.785.056	727.498.464
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Từ 6 tháng đến 1 năm	612.139.990	183.641.997	428.497.993
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	214.577.883	64.373.365	150.204.518
		<b>1.866.001.393</b>	<b>559.800.418</b>	<b>1.306.200.975</b>
<b><i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 1 năm đến 3 năm	3.806.514.486	2.401.605.837	1.404.908.649
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus THACO	Từ 1 năm đến 3 năm	1.213.468.080	606.734.040	606.734.040
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 3 năm	328.352.082	314.905.287	13.446.795
		<b>5.348.334.648</b>	<b>3.323.245.164</b>	<b>2.025.089.484</b>
		<b>7.214.336.041</b>	<b>3.883.045.582</b>	<b>3.331.290.459</b>

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.883.045.582	4.311.641.062
Số trích lập trong năm	45.914.400	1.165.696.124
Số hoàn nhập trong năm	(2.492.408.888)	(1.594.291.604)
Số dư cuối năm	<b>1.436.551.094</b>	<b>3.883.045.582</b>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	88.479.588.489		- 161.842.158.166	-
Nguyên vật liệu	211.678.052.000		- 242.673.021.577	-
Công cụ và dụng cụ	9.315.441.016		- 11.819.841.886	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.039.769.130		- 160.227.659.356	-
Thành phẩm	262.430.807.483	(2.872.847.353)	175.622.099.177	(6.106.909.839)
Hàng hóa	543.939.432		- 500.184.014	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>693.487.597.550</b>	<b>(2.872.847.353)</b>	<b>752.684.964.176</b>	<b>(6.106.909.839)</b>
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>	<b>30.475.987.449</b>	<b>-</b>	<b>27.052.792.693</b>	<b>(9.484.337.658)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

	2020 VND	2019 VND
<b>Hàng tồn kho</b>		
Số dư đầu năm	6.106.909.839	4.568.526.071
Số trích lập trong năm	-	1.538.383.768
Số hoàn nhập trong năm	(3.234.062.486)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.872.847.353</b>	<b>6.106.909.839</b>
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>		
Số dư đầu năm	9.484.337.658	-
Số trích lập trong năm	-	9.484.337.658
Số sử dụng trong năm	(1.945.482.372)	-
Số hoàn nhập trong năm	(7.538.855.286)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>9.484.337.658</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	178.445.140.643	809.184.285.387	31.511.564.685	13.255.063.629	2.903.577.554	1.035.299.631.898
Mua sắm trong năm	18.740.000	4.090.232.110	439.600.000	-	-	4.548.572.110
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	15.333.423.330	28.206.079.342	1.034.656.600	-	-	44.574.159.272
Thanh lý trong năm	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Số dư cuối năm	193.797.303.973	838.621.548.953	32.985.821.285	13.255.063.629	2.903.577.554	1.081.563.315.394
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	97.329.962.950	555.405.832.869	20.957.451.219	10.582.879.016	2.131.945.063	686.408.071.117
Khấu hao trong năm	10.766.693.997	59.955.836.465	2.482.874.583	555.146.107	250.656.350	74.011.207.502
Thanh lý trong năm	-	(2.859.047.886)	-	-	-	(2.859.047.886)
Số dư cuối năm	108.096.656.947	612.502.621.448	23.440.325.802	11.138.025.123	2.382.601.413	757.560.230.733
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	81.115.177.693	253.778.452.518	10.554.113.466	2.672.184.613	771.632.491	348.891.560.781
Số dư cuối năm	85.700.647.026	226.118.927.505	9.545.495.483	2.117.038.506	520.976.141	324.003.084.661

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 475.188 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 394.984 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 35.467 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tăng trong năm	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
Số dư cuối năm	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Khấu hao trong năm	171.291.465	5.099.879	176.391.344
Số dư cuối năm	171.291.465	5.099.879	176.391.344
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	4.079.059.465	990.511.266	5.069.570.731

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất - VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	247.954.936.198	9.597.155.852	5.218.778.656	262.770.870.706
Mua sắm trong năm	-	420.000.000	-	420.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>247.954.936.198</b>	<b>10.017.155.852</b>	<b>5.218.778.656</b>	<b>263.190.870.706</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	27.859.179.474	7.327.485.500	5.218.778.656	40.405.443.630
Khấu hao trong năm	5.572.058.509	1.440.542.242	-	7.012.600.751
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.431.237.983</b>	<b>8.768.027.742</b>	<b>5.218.778.656</b>	<b>47.418.044.381</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	220.095.756.724	2.269.670.352	-	222.365.427.076
Số dư cuối năm	214.523.698.215	1.249.128.110	-	215.772.826.325

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 10.765 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 17.342 triệu VND (1/1/2020: 17.886 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	45.524.928.011	80.467.247.065
Mua sắm trong năm	39.305.143.814	93.917.657.160
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(44.574.159.272)	(116.278.185.432)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(12.581.790.782)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>40.255.912.553</b>	<b>45.524.928.011</b>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2020</b> VND	<b>1/1/2020</b> VND
Máy móc và thiết bị	33.387.093.697	41.230.983.930
Các công trình khác	6.868.818.856	4.293.944.081
	40.255.912.553	45.524.928.011

**15. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26.00%	32.500.000.000	26.00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	6.764.119.881	15.486.246.204	22.250.366.085
Tăng trong năm	2.070.931.130	7.359.087.253	9.430.018.383
Phân bổ trong năm	(4.278.987.786)	(10.371.442.971)	(14.650.430.757)
Số dư cuối năm	4.556.063.225	12.473.890.486	17.029.953.711

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Dự phòng bảo hành	20%	2.033.005.202	1.818.189.598
Chi phí phải trả	20%	972.273.869	965.843.974
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	574.569.471	3.118.249.499
Chênh lệch tỷ giá	20%	171.011.148	127.829.325
		<b>3.750.859.690</b>	<b>6.030.112.396</b>

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Trafigura PTE LTD	28.653.346.901	104.033.236.640
Thai United Industry Company Ltd.	16.049.003.107	22.704.010.502
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	7.772.635.180	6.291.528.899
Sorin Corporation Singapore PTE Ltd	-	10.224.189.403
Các nhà cung cấp khác	83.700.237.328	76.267.329.512
	<b>136.175.222.516</b>	<b>219.520.294.956</b>

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>31/12/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2020 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.906.543.200	1.132.849.300
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	8.162.000	30.217.000
	<b>2.914.705.200</b>	<b>1.163.066.300</b>

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	683.161.627.083	(543.182.787.234)	(139.978.839.849)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.221.478.038	38.645.255.863	-	(44.144.428.632)	7.722.305.269
Thuế thu nhập cá nhân	1.755.870.399	6.029.302.922	-	(8.198.429.674)	(413.256.353)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.413.887.277)	9.808.646.960	-	(9.969.327.108)	(1.574.567.425)
	13.563.461.160	737.644.832.828	(543.182.787.234)	(202.291.025.263)	5.734.481.491

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số hoàn trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.449.233.302	540.221.374.571	(543.182.787.234)	-	42.487.820.639



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	21.092.134.126	19.302.990.710
Chi phí vận chuyển	3.588.793.627	2.508.700.255
Chi phí lãi vay	2.416.071.234	1.579.068.047
Các khoản chi phí phải trả khác	5.374.410.868	1.050.399.755
	<hr/>	<hr/>
	32.471.409.855	24.441.158.767
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.970.749.740	1.889.050.464
Cổ tức	18.502.065	17.087.040
Các khoản phải trả khác	5.110.166.120	3.549.504.272
	<hr/>	<hr/>
	7.099.417.925	5.455.641.776
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.303.490.123.377	1.303.490.123.377	2.729.628.204.555	(2.864.220.457.725)	(787.737.884)	1.168.110.132.323	1.168.110.132.323
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	20.000.000.000	20.000.000.000	21.581.982.209	(16.091.978.027)	-	25.490.004.182	25.490.004.182
	1.355.990.123.377	1.355.990.123.377	2.751.210.186.764	(2.880.312.435.752)	(787.737.884)	1.226.100.136.505	1.226.100.136.505

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ/VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn thêm hợp đồng.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2020	1/1/2020
		2020	2019	VND	VND
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,00% - 4,90%	5,60% - 7,90%	354.048.880.358	402.031.778.909
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,00% - 3,25%	3,8%	156.889.941.054	84.917.300.539
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	3,50%	3,80% - 4,90%	127.988.438.539	18.999.949.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,70% - 4,50%	5,4%	123.570.624.904	70.258.060.703
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,20% - 3,20%	3,30% - 4,60%	121.775.543.308	187.872.518.448
Ngân hàng Maybank Việt Nam	VND	3,20% - 4,30%	-	82.824.483.597	-
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	USD	2,10%	-	68.813.821.745	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	2,50%	3,63% - 3,88%	45.431.631.728	69.660.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tu và Phát triển Việt Nam	VND	4,00 - 4,30%	5,50% - 5,70%	35.142.542.687	226.614.415.070
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tu và Phát triển Việt Nam	USD	3,24% - 3,33%	3,80% - 4,20%	27.930.300.810	145.767.083.155
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	VND	3,00% - 4,15%	-	23.693.923.593	-
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	VND	-	5,35% - 5,50%	-	97.369.017.553
				1.168.110.132.323	1.303.490.123.377

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	93.540.340.384	91.505.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(25.490.004.182)	(20.000.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	68.050.336.202	71.505.000.000



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2020	1/1/2020
		2020	2019		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	8,50% - 9,60%	9,10%	80.900.475.150	91.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	9,00%	-	12.639.865.234	-
				93.540.340.384	91.505.000.000

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 35.467 triệu VND và 17.342 triệu VND (1/1/2020: 40.280 triệu VND và 17.886 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND
Trong vòng một năm	4.549.891.481	955.362.449	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	10.112.749.319	1.067.413.117	-	-
	14.662.640.800	2.022.775.566	-	-

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	9.090.947.990	10.190.195.334
Số trích lập trong năm	18.212.227.269	17.820.409.890
Số sử dụng trong năm	(17.138.149.251)	(18.919.657.234)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.165.026.008	9.090.947.990
	<hr/>	<hr/>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.746.728.397	2.911.165.144
Số trích lập trong năm	17.017.494.643	16.138.021.972
Số sử dụng trong năm	(15.377.516.425)	(14.302.458.719)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.386.706.615	4.746.728.397
	<hr/>	<hr/>

001-G  
NH  
INH  
G  
CHI M

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	35.909.356.110	108.614.235.373	610.825.360.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	166.694.946.427	166.694.946.427
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	47.370.965.915	(47.370.965.915)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.138.021.972)	(16.138.021.972)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(92.943.414.000)	(92.943.414.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	148.582.753.566	148.582.753.566
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585

Trong năm, cổ tức được chia và quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông 305/PA-HDQT ngày 29 tháng 6 năm 2020.





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Các cổ đông khác	17.673.726	38,03%	17.673.726	38,03%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.130.024.000	1.465.745.455
Trong vòng hai đến năm năm	3.988.983.539	969.600.000
	<hr/> <b>6.119.007.539</b>	<hr/> <b>2.435.345.455</b>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	18.765.730.291	22.698.590.978
	<hr/> <b>18.765.730.291</b>	<hr/> <b>22.698.590.978</b>

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.232.406	51.423.468.524	147.829	3.417.814.107
EUR	281	7.855.809	292	7.524.031
		<hr/> <b>51.431.324.333</b>		<hr/> <b>3.425.338.138</b>

112  
HI N  
NG  
KF  
PHO

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Trong nước	2.361.843.860.832	2.494.859.265.476
Xuất khẩu	592.174.286.569	584.127.529.678
	<hr/>	<hr/>
	2.954.018.147.401	3.078.986.795.154
	<hr/>	<hr/>

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.449.081.662.295	3.541.175.254.529
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	494.460.017.665	460.141.777.732
▪ Hàng bán bị trả lại	603.497.229	2.046.681.643
	<hr/>	<hr/>
	495.063.514.894	462.188.459.375
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.954.018.147.401	3.078.986.795.154
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Pin và ác quy đã bán	2.462.357.477.436	2.574.567.613.168
Khuyến mãi có điều kiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	56.381.875.258 (12.718.400.144)	31.626.555.428 11.022.721.426
	<hr/> 2.506.020.952.550	<hr/> 2.617.216.890.022

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.011.273.946	50.677.774.026
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.402.365.039	4.758.036.736
Chiết khấu thanh toán	274.080	-
	<hr/> 55.413.913.065	<hr/> 55.435.810.762

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	60.775.575.264	58.854.664.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.113.652.338	4.563.891.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.864.156	97.072.692
	<hr/> 68.971.091.758	<hr/> 63.524.083.220

001-C.T.  
NH  
TNHH  
G  
CHI MỸ

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	33.516.469.024	34.327.402.617
Chi phí đồ dùng văn phòng	866.873.251	989.997.447
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.233.601.128	3.067.492.587
Chi phí bảo hành	18.212.227.269	17.820.409.890
Chi phí quảng cáo	15.618.360.872	37.296.465.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.096.192.684	49.909.482.317
Chi phí bán hàng khác	78.365.922.162	51.789.161.751
	<hr/> <b>195.909.646.390</b>	<hr/> <b>195.200.412.342</b>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	24.528.059.272	24.792.886.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.232.786.557	1.210.435.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.102.448.660	2.029.209.759
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn	(2.446.494.488)	(428.595.480)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.248.433.910	11.960.496.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.042.617.206	12.770.882.879
	<hr/> <b>49.707.851.117</b>	<hr/> <b>52.335.316.115</b>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	2.091.540.215.760	2.050.486.817.450
Chi phí nhân công và nhân viên	276.100.237.365	275.956.816.599
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.200.199.597	86.202.705.545
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	371.517.678.272	355.191.852.830
	<hr/> <b>2.820.358.330.994</b>	<hr/> <b>2.767.838.192.424</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	35.706.315.793	44.140.702.924
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.619
	<hr/> 38.645.255.863	<hr/> 46.067.273.543
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.279.252.706	(781.117.620)
	<hr/> 40.924.508.569	<hr/> 45.286.155.923

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.507.262.135	211.981.102.350
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.901.452.427	42.396.220.470
Chi phí không được khấu trừ thuế	84.116.072	963.364.834
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.938.940.070	1.926.570.619
	<hr/> 40.924.508.569	<hr/> 45.286.155.923

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.





**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2020	2019
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	148.582.753.566	166.694.946.427
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(14.858.275.357)	(16.669.494.643)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	133.724.478.209	150.025.451.784
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.878	3.228

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo mức trích lập được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ</b> <i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i> Cổ tức được chia	35.847.409.500	47.796.546.000
<b>Cổ đông lớn</b> <i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i> Phí bản quyền Cổ tức được chia	3.826.134.899 7.349.562.000	3.756.322.768 9.799.416.000
<b>Công ty liên quan</b> <i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i> Mua hàng hóa	21.625.605.870	20.693.708.530
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i> Mua hàng hóa	405.585.400	421.006.300

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix</b> Mua hàng hóa	3.168.434.396	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty</b> <b>Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b> Thù lao	420.000.000	420.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	598.960.000	570.360.000
<b>Thành viên khác trong Ban Giám đốc</b> Lương và thưởng	637.180.000	968.200.000

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

